**HAMBOORG.CITY**

Nền tảng miễn phí cho người nước ngoài tại Đức

✓ Trợ lý 24/7 bằng ngôn ngữ của bạn
✓ Máy quét tài liệu chính thức
✓ Nhắc nhở về thời hạn
✓ Máy tính trợ cấp

**hamboorg.city — là và sẽ luôn MIỄN PHÍ**

# Ngày Lễ Chính Thức Của Đức 2026 — Lịch, Truyền Thống Và Ngày Cầu Nối

Tất cả các ngày Feiertag chính thức ở Đức 2026: Các ngày lễ toàn liên bang và theo khu vực, truyền thống và ngày cầu nối.

**Deutsche Begriffe:** Feiertag | Gesetzlicher Feiertag | Brückentag | Weihnachten | Ostern | Karneval

---

## Ngày Lễ Chính Thức 2026

Vào các ngày Feiertag chính thức, **không cần làm việc** — các cửa hàng, cơ quan chính phủ và nhiều dịch vụ **đóng cửa**. Lương của bạn vẫn được trả (Luật Ngày Lễ).

### Ngày Lễ Toàn Liên Bang 2026

Các ngày lễ này có hiệu lực ở **tất cả 16 tiểu bang**:

| Ngày | Thứ | Feiertag |
|---|---|---|
| **1. Tháng 1** | Thứ Năm | **Ngày Năm Mới** |
| **3. Tháng 4** | Thứ Sáu | **Karfreitag** |
| **6. Tháng 4** | Thứ Hai | **Ostermontag** |
| **1. Tháng 5** | Thứ Sáu | **Ngày Lao Động** |
| **14. Tháng 5** | Thứ Năm | **Christi Himmelfahrt** (Ngày Cha) |
| **25. Tháng 5** | Thứ Hai | **Pfingstmontag** |
| **3. Tháng 10** | Thứ Bảy | **Ngày Thống Nhất Đức** |
| **25. Tháng 12** | Thứ Sáu | **Ngày Giáng Sinh Thứ Nhất** |

| Ngày | Thứ | Feiertag |
|---|---|---|
| **26. Tháng 12** | Thứ Bảy | **Ngày Giáng Sinh Thứ Hai** |

### Ngày Lễ Theo Khu Vực 2026

Các ngày lễ này chỉ có hiệu lực ở **một số tiểu bang nhất định**:

| Ngày | Feiertag | Tiểu Bang |
|---|---|---|
| **6. Tháng 1** | Ba Vua Thánh | BY, BW, ST |
| **8. Tháng 3** | Ngày Quốc Tế Phụ Nữ | BE, MV |
| **5. Tháng 4** | Ngày Phục Sinh | BB |
| **4. Tháng 6** | Fronleichnam | BY, BW, HE, NW, RP, SL, SN (một phần), TH (một phần) |
| **8. Tháng 8** | Lễ Hòa Bình | Chỉ Augsburg (BY) |
| **15. Tháng 8** | Mariä Himmelfahrt | BY (một phần), SL |
| **20. Tháng 9** | Ngày Quốc Tế Trẻ Em | TH |
| **31. Tháng 10** | Ngày Cải Cách | BB, HB, HH, MV, NI, SN, SH, ST, TH |
| **1. Tháng 11** | Lễ Tất Cả Các Vị Thánh | BY, BW, NW, RP, SL |
| **19. Tháng 11** | Buß- und Bettag | SN |

**Viết tắt:** BY=Bayern, BW=Baden-Württemberg, BE=Berlin, BB=Brandenburg, HB=Bremen, HH=Hamburg, HE=Hessen, MV=Mecklenburg-Vorpommern, NI=Niedersachsen, NW=Nordrhein-Westfalen, RP=Rheinland-Pfalz, SL=Saarland, SN=Sachsen, ST=Sachsen-Anhalt, SH=Schleswig-Holstein, TH=Thüringen

## Ngày Cầu Nối 2026 — Lập Kế Hoạch Nghỉ Phép Thông Minh

**Brückentag** là những ngày làm việc nằm giữa một ngày lễ và cuối tuần. Với ít ngày nghỉ phép, bạn có thể **có nhiều ngày free**:

| Feiertag | Ngày Cầu Nối | Ngày Nghỉ Phép | Ngày Free |
|---|---|---|---|
| **Ngày Năm Mới** (Thứ Năm, 1.1.) | Thứ Sáu 2.1. | 1 Ngày | 4 Ngày Free (Thứ Năm–Chủ Nhật) |
| **Christi Himmelfahrt** (Thứ Năm, 14.5.) | Thứ Sáu 15.5. | 1 Ngày | 4 Ngày Free (Thứ Năm–Chủ Nhật) |

| Feiertag | Ngày Cầu Nối | Ngày Nghỉ Phép | Ngày Free |
|---|---|---|---|
| **Ngày Lao Động** (Thứ Sáu, 1.5.) | — | 0 | 3 Ngày Free (Thứ Sáu–Chủ Nhật) |
| **Giáng Sinh** (Thứ Sáu, 25.12.) | Thứ Hai 28.12.–Thứ Tư 30.12. | 3 Ngày | 9 Ngày Free (Thứ Sáu 25.12.–Chủ Nhật 3.1.) |

**Lời Khuyên:** Yêu cầu Brückentag **sớm** — chúng rất được đồng nghiệp ưa chuộng!

## Cơ Sở Nào Mở Cửa Vào Ngày Lễ?

### Đóng Cửa

• **Cửa hàng** — Siêu thị, Trung tâm mua sắm, Cửa hàng xây dựng (Ngoại lệ: một số tiệm bánh buổi sáng, cửa hàng trạm xăng)

• **Cơ quan chính phủ** — Sở Đăng Ký Dân Cư, Cục Quản Lý Ngoài Quốc, Cục Thuế

• **Ngân hàng** — Chi nhánh đóng cửa (ATM hoạt động)

• **Trường học và Mầm non**

• **Bưu điện** — không giao hàng

### Mở Cửa

• **Nhà hàng và Quán cà phê** — nhiều cơ sở mở cửa (đặc biệt là Chợ Giáng Sinh!)

• **Bệnh viện và Phòng cấp cứu** — luôn mở

• **Hiệu Thuốc** — Dịch vụ Dược Sư Khẩn Cấp

• **Trạm Xăng** — luôn mở

• **Giao Thông Công Cộng** — chạy (Lịch Chủ Nhật/Lễ!)

• **Rạp Chiếu Phim, Bảo tàng, Sở Thú** — thường mở cửa

## Truyền Thống Các Ngày Lễ Chính

### Weihnachten (25.–26. Tháng 12)

Weihnachten là **lễ hội quan trọng nhất** ở Đức:

• **Heiligabend** (24. Tháng 12) — lúc về nhà thực sự: trao quà, cây Giáng Sinh, bữa ăn gia đình

• **Chợ Giáng Sinh** — từ cuối tháng 11, rượu nóng, xúc xích, thủ công mỹ nghệ

• **Ăn Uống Điển Hình:** Salad khoai tây với xúc xích (Heiligabend), Vịt quay (25.12.)

• **Cửa hàng:** Ngày 24.12. chỉ mở đến 14 giờ, 25.–26. đóng cửa

### Ostern (Karfreitag đến Ostermontag)

• **Karfreitag:** Ngày yên tĩnh, Cấm Nhảy ở nhiều tiểu bang

• **Ostersonntag:** Tìm kiếm trứng Phục Sinh cho trẻ em, bữa ăn gia đình

• **Ostermontag:** Free, dạo phỏng, thăm gia đình

• **Ăn Uống Điển Hình:** Bánh Cừu Phục Sinh, Trứng Phục Sinh, Thịt Nướng Phục Sinh

### Karneval/Fasching (Tháng 2/3)

Karneval **không phải là ngày lễ chính thức**, nhưng ở một số vùng (Rhineland, Nam Đức) nó **được ăn mừng lớn lao**:

• **Weiberfastnacht** (Thứ Năm) — Phụ nữ cắt cravat của những người đàn ông

• **Rosenmontag** — cuộc diễu hành lớn (Cologne, Düsseldorf, Mainz)

• **Aschermittwoch** — kết thúc Karneval

• Nhiều công ty ở Rhineland cho **Rosenmontag** free

### Silvester (31. Tháng 12)

• **Không phải ngày lễ chính thức** (nhưng nhiều người có free)

• **Pháo hoa** lúc nửa đêm (Bán pháo chỉ 28.–31.12.)

• **Raclette hoặc Fondue** cho bữa tối

• **"Dinner for One"** — phim ngắn, được phát trên TV hàng năm kể từ 1963

### Christi Himmelfahrt / Ngày Cha

• **Ngày Lễ Chính Thức** (luôn là Thứ Năm, 40 ngày sau Phục Sinh)

• **Ngày Cha:** Những người đàn ông truyền thống **đi bộ đường dài với xe kéo và bia**

• **Brückentag** vào Thứ Sáu sau đó rất được yêu thích

## Pháp Luật Lao Động và Ngày Lễ

### Trả Lương Tiếp Tục

• Vào các ngày Feiertag chính thức, bạn nhận **lương bình thường** — ngay cả khi bạn không làm việc (§ 2 EFZG)

• Nếu một Feiertag rơi vào **Thứ Bảy hoặc Chủ Nhật**, **không có ngày nghỉ thay thế** (Ngoại lệ: một số hợp đồng lao động)

### Làm Việc Vào Ngày Lễ

• Cơ bản, làm việc vào ngày lễ **bị cấm** (§ 9 ArbZG)

• **Ngoại lệ:** Bệnh viện, Nhà hàng, Cảnh sát, Lính cứu hỏa, Phương tiện truyền thông, Giao thông

• **Phụ cấp Feiertag:** 50–150% tăng thêm (tùy theo hợp đồng lao động)

### Nghỉ Phép

• Các Feiertag **không** được tính vào quyền nghỉ phép

• Nếu một Feiertag rơi vào kỳ nghỉ của bạn, ngày đó **không** được tính là ngày nghỉ phép

## Lời Khuyên Cho Nước Ngoài

**1. Biết Feiertag của Tiểu Bang Của Bạn** — Bayern có nhiều nhất (13), Berlin/Hamburg ít nhất (10)

**2. Mua Hàng Dự Trữ** — trước Feiertag, siêu thị đông đúc, lập kế hoạch trước

**3. Sử Dụng Brückentag** — với ít ngày nghỉ phép có nhiều thời gian free

**4. Tham Gia Truyền Thống** — Chợ Giáng Sinh, Karneval, Tìm Kiếm Trứng Phục Sinh — điều đó vui vẻ và giúp hòa nhập

**5. Tôn Trọng Ngày Lễ Im Lặng** — vào Karfreitag, Cấm Nhảy và có sự yên tĩnh đặc biệt